

Bản án số: **178/2018/DS-PT**

Ngày: 31 - 10 - 2018.

V/v tranh chấp đòi tài sản là nhà, đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Võ Kế NgH

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Trần Bình Đào

**\* Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp đòi tài sản là nhà, đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Lê Đình H, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: 33A/25A khu phố 4, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm: 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Phạm Văn C - Văn phòng luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (Có mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Thanh S, sinh năm: 1958 (Có mặt).

2. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Trương Lệ N, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Đình H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Lê Đình H trình bày:**

Vào năm 1998, ông có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Thanh S và bà Trần Thị N một căn nhà tại số 13, dãy 7, có diện tích 24 m<sup>2</sup> tại ấp T, thị trấn K (hiện nay là số 194, khu phố T), thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Năm 2005, ông gửi nhà lại cho ông Lê Đình L trông giữ, do ông L là em ruột nên không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau, trong thời gian ông L ở thì ông có đưa tiền cho ông L sửa chữa nhà, cũng trong thời này ông đi đến tỉnh Bình Dương để làm ăn. Đến tháng 10/2013, ông L chết, đến tháng 11/2015 ông Nguyễn Văn T ngang nhiên vào chiếm đoạt nhà và đất của ông. Nay ông yêu cầu ông T phải trả lại nhà và đất trên. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Vào ngày 14/10/2015, ông có mua căn nhà số 194, tổ 16, khu phố T, thị trấn K, huyện K của bà Trương Lệ N số tiền 200.000.000 đồng và nhận giấy tờ liên quan đến căn nhà do bà N giao, việc mua bán có xác nhận của những người xung quanh và chính quyền địa phương. Do việc mua bán của ông với bà N không tranh chấp nên việc ông H khởi kiện đòi nhà, đất thì ông không đồng ý.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

**1. Bà Trương Lệ N trình bày:** Bà với ông Lê Đình L là vợ chồng được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008, vợ chồng bà có căn nhà tại số 194 khu

phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc căn nhà là của Xí ngH lắp máy 18-2 cấp cho ông Phạm Thanh S ngày 25/5/1993, sau đó ông S chuyển nhượng cho ông L và kèm theo Quyết định của Xí NgH (bản gốc) và giấy sang nhượng đứng tên ông Phạm Thanh S sang nhượng cho ông Phạm Đình L (bản gốc). Sau khi nhận sang nhượng, vợ chồng bà đã sửa chữa và sinh sống cho đến năm 2013 thì ông L chết. Do ông L sống tại huyện K còn bà là giáo viên làm việc tại huyện Gò Quao nên cuối tuần bà về K hoặc ông L xuống Gò Quao gặp bà, do đó sau khi ông L chết khoảng 4 tuần thì bà mới hay tin. Sau khi ông L chết được 49 ngày thì bà có nghe bà Tuyết là Tổ trưởng kêu đem hết giấy tờ liên quan đến căn nhà, giấy kết hôn... để cho Tổ nhân dân tự quản xem xét. Trong ngày cúng 49 ngày của ông L thì bà bị con của ông H xông vào nhà không ché, lấy nhiều giấy tờ, trong đó có giấy sang nhượng ông Phạm Thanh S sang nhượng cho ông Lê Đình L (bản gốc), quyết định cấp nhà của Xí ngH 18-2 (bản gốc),. Sau khi mất các giấy tờ, bà có trình báo với UBND thị trấn K và được hướng dẫn làm đơn cơ sở và được Công an thị trấn K xác nhận. Từ tháng 12/2013, bà đóng cửa nhà về huyện G công tác, tháng 11/2014 bà cho thuê nhà, đến ngày 14/10/2015 bà bán lại cho ông Nguyễn Văn T. Vì đây là căn nhà của vợ chồng bà (vợ chồng bà không có con), nên sau khi ông L chết thì bà bán lại cho ông T, ông H không có quyền gì đối với căn nhà này.

## **2. Ông Phạm Thanh S và bà Trần Thị N thống nhất trình bày:**

Ông S là công nhân của Xí ngH lắp máy 18-2, ông S được xí ngH cấp cho căn nhà số 07 dãy 13 (nay là số 194 khu phố T, thị trấn K, huyện K) đến năm 1998 ông bán căn nhà này cho ông Lê Đình L và có viết giấy tay cho ông L, giấy tay này chỉ có ông ký. Tuy nhiên, sau đó khoảng 1 tuần thì ông H có giao số tiền 20.000.000 đồng (lúc giao tiền có mặt ông L) và yêu cầu viết lại giấy bán nhà cho ông H (giấy này có hai vợ chồng cùng ký tên), sau khi viết giấy lần 2 thì ông không thu hồi giấy lần đầu. Ông bà yêu cầu Tòa án căn cứ các giấy tờ mua bán để giải quyết yêu cầu đòi nhà và đất cho ông H.

## **3. Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:**

Khu đất đang tranh chấp giữa ông H với ông T nằm cặp Kênh xáng Ba Hòn – K và Quốc lộ 80, hiện nay khu đất này chưa được UBND thị trấn K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dọc tuyến đường này. Vì vậy, khu đất giữa ông H với ông T nếu đủ điều kiện thì UBND huyện sẽ xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời, UBND huyện đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

**\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Áp dụng Điều 170, 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khôi phục của nguyên đơn ông Lê Đình H với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp đòi tài sản là nhà, đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

\* Ngày 04/7/2018, ông Lê Đình H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang; đồng thời, yêu cầu Tòa án công nhận tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà hợp pháp cho ông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Nguyễn và nguyên đơn ông Lê Đình H thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm công nhận tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn ông Lê Đình H.

Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng, bà Trương Lệ N là vợ hợp pháp của ông Lê Đình L, giữa bà N với ông L không có con chung, cha mẹ ông L chết trước khi cưới bà N nên bà N là người thừa kế duy nhất của ông L và bà N đương nhiên được hưởng tất cả các tài sản của ông L. Do đó, việc bà N bán nhà cho ông T là phù hợp. Đối với lời khai của ông S cho rằng, ông S đã viết giấy chuyển nhượng căn nhà, đất đang tranh chấp cho ông L trước khi viết giấy sang nhượng cho ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S thừa nhận khi viết giấy sang nhượng cho ông H

không có sự chứng kiến của ông L và ông cũng không biết việc ông H yêu cầu ông viết giấy sang nhượng lần hai ông L có biết không. Do đó, việc ông H và ông S thay đổi giấy sang nhượng không có ý kiến của ông L là không có giá trị pháp lý. Mặt khác, trong giấy sang nhượng được viết lần hai có chữ ký của người làm chứng là bà D, bà H. Ông H cho rằng, khi ông S viết giấy chuyển nhượng cho ông thì bà H, bà D đi ngang qua và ông nhờ vào ký người làm chứng. Tuy nhiên, ông S khẳng định khi ông viết giấy sang nhượng cho ông H thì chỉ có vợ chồng ông với ông H. Trong khi đó, bà D, bà H xác định hai bà ở nhà, ông H mang giấy sang nhượng đến nhờ ký xác nhận. Lời khai ông S, ông H mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng bà H, bà D. Vì vậy, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T thống nhất với trình bày và yêu cầu của luật sư; ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Lệ N đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm; riêng ông S, bà N không có ý kiến, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình H không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX nhận thấy:*

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất xác định: Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Lê Đình H với ông Nguyễn Văn T là của Xí nghiệp lắp máy 18-2 cấp cho ông Phạm Thanh S theo quyết định số 71 ngày 25/5/1993. Năm 1998, ông S

bán lại căn nhà này với giá 20.000.000 đồng. Theo lời khai của ông Lê Đình H cho rằng, ông S đã bán căn nhà này cho ông với giá 20.000.000 đồng, việc mua bán có viết giấy tay. Sau khi mua căn nhà này, thì ông đã giao cho em ruột là Lê Đình L trông giữ, việc giao này không làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Trong khi đó, ông Nguyễn Văn T thì cho rằng, sau khi ông L chết thì vợ ông L là bà Trương Lệ N đã bán căn nhà này cho ông, việc mua bán có xác nhận của những người xung quanh và chính quyền địa phương.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Lệ N xác định căn nhà, đất đang tranh chấp là của ông Lê Đình L trực tiếp mua của ông Phạm Thanh S, sau khi ông L chết thì bà bán căn nhà này cho ông Nguyễn Văn T.

[2] Xét lời khai của các đương sự, HĐXX nhận thấy: Chứng cứ để ông H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả lại nhà và đất đang tranh chấp là *“Giấy sang nhượng nhà đất đề ngày 07/10/1998”* do ông S, bà N viết cho ông. Tuy nhiên, theo lời khai của ông S, bà N đều thừa nhận, trước khi viết giấy chuyển nhượng nhà, đất cho ông H thì giữa ông S với ông L có thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà và đất nêu trên. Ông S đã trực tiếp viết giấy chuyển nhượng đứng tên người nhận chuyển nhượng là ông Lê Đình L nhưng sau đó theo yêu cầu của ông H, ông S viết lại giấy sang nhượng thay đổi người nhận chuyển nhượng từ ông L sang ông H, việc thay đổi này ông L không có ý kiến, ông S và ông H không yêu cầu ông L trả lại giấy sang nhượng cũ (BL 41, 131). Lời khai của ông S phù hợp với lời khai bà N và đơn có mất, đơn xin xác nhận của bà N về việc các giấy tờ trong đó có giấy sang nhượng nhà của ông S cho ông Lê Đình L bị gia đình ông Lê Đình H lấy mất, đơn có mất được chính quyền địa phương xác nhận (BL 20, 21).

Đối chiếu lời khai của ông S, bà N, bà N với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Thực tế việc chuyển nhượng đối với căn nhà số 7, dãy 13 căn (nay nhà số 194), khu phố T, thị trấn K được lập thành hai văn bản chuyển nhượng với tên người nhận chuyển nhượng là khác nhau. Theo lời khai của ông S tại phiên tòa phúc thẩm và chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì văn bản chuyển nhượng ông S viết cho ông L vào ngày 07/10/1998, lý do ông nhớ rõ ngày này là vì trùng ngày sinh nhật của ông, sau đó khoảng 01 tuần thì ông lại viết giấy bán

nhà lần thứ hai và có sự thay đổi tên người được chuyển nhượng từ ông Lê Đình L sang ông Lê Đình H nhưng lại không có chứng cứ thể hiện sự thỏa thuận của ông L thống nhất tài sản trên là của ông Lê Đình H. Sau khi viết văn bản lần hai, văn bản chuyển nhượng lần thứ nhất liên quan đến ông L không bị hủy bỏ, bị thu hồi nên những nội dung thay đổi trong giấy sang nhượng được viết lần thứ hai ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông L nhưng không có ý kiến của ông L là không có giá trị pháp lý.

[3] Đồng thời, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ngày ông S viết giấy sang nhượng nhà, đất cho ông L và ngày ông S viết giấy tay sang nhượng lại cho ông H cùng vào ngày 07/10/1998 nhưng ông S lại cho rằng giấy viết lần hai cho ông H sau một tuần kể từ thời điểm viết giấy bán nhà lần hai cho ông L, vấn đề này có mâu thuẫn trong lời khai của ông S thể hiện ông S cung cấp lời khai không chính xác.

[4] Mặt khác, tại văn bản chuyển nhượng ngày 07/10/1998, ông H cung cấp cho Tòa án thể hiện có người làm chứng là bà Đoàn Thị H và bà Hà Thị D, nhưng theo lời khai của bà H, bà D đều xác nhận: Ông H, ông S có đem giấy viết tay nội dung về việc mua bán nhà và nhờ bà ký với tư cách người làm chứng, còn việc mua bán như thế nào thì bà không biết (BL 94,96).

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng, bà H, bà D có trực tiếp chứng kiến việc ông và ông S, bà N ký giấy sang nhượng nhưng ông S khẳng định khi ông viết giấy sang nhượng nhà, đất lần hai cho ông H thì chỉ có vợ chồng ông với ông H. Việc này có sự mâu thuẫn thể hiện việc ông H, ông S cung cấp lời khai không chính xác. Như vậy, mặc dù bà H, bà D có ký tên với tư cách người làm chứng nhưng không biết rõ sự việc như thế nào và không trực tiếp chứng kiến việc mua bán nên căn cứ Điều 77, Điều 78 BLTTDS năm 2015 bà Dung, bà Hoàn không phải là người làm chứng. Điều này có thể hiểu, giấy sang nhượng nhà, đất được ông S viết cho ông H sau này.

[5] Bên cạnh đó, theo lời khai của bà Trần Thị M, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Thanh H là những người hàng xóm, đồng thời là những người sống lâu năm tại địa phương đều thống nhất khẳng định: Căn nhà, đất đang tranh chấp là ông L mua của ông S, sau khi mua

ông L đã trực tiếp sửa chữa và sinh sống từ thời điểm chuyển nhượng cho đến khi cưới vợ là bà N. Ông L, bà N trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà này cho đến khi ông L chết (BL 22, 98, 99, 100, 104, 125). Từ những lời khai, chứng cứ đã viện dẫn có cơ sở để khẳng định ông H cho rằng, ông đã mua căn nhà, đưa tiền sửa chữa, giao cho ông L trông giữ là chưa phù hợp.

[6] Hơn nữa, tại thời điểm bà N bán căn nhà cho ông T thì chưa phát sinh tranh chấp liên quan đến nhà, đất trên. Vì bà N là vợ hợp pháp của ông L, bà N với ông L không có con chung nên việc bà N bán căn nhà cho ông T là phù hợp. Việc bà N bán căn nhà cho ông T có xác nhận của chính quyền địa phương, các bên đã hoàn thành giao nhận tiền và nhà. Tới thời điểm hiện nay, bà N và ông T không tranh chấp việc chuyển nhượng nhà, đất với nhau. Cho nên, yêu cầu của ông H buộc ông T trả lại nhà là không phù hợp. Trường hợp, các bên có tranh chấp về quyền thừa kế đối với căn nhà, đất thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H kháng cáo yêu cầu ông T trả lại nhà, đất nhưng chứng cứ có nhiều mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn. Mặt khác, ông H không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên căn cứ Điều 91 BLTTDS năm 2015 không có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

Từ những nhận định trên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 170, Điều 256 - Bộ luật dân sự năm 2005.



Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình H với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp đòi tài sản là nhà, đất.

[2] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Lê Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 200.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên L thu tiền số 0001541 ngày 07/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Lê Đình H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp (do Lê Thị H nộp thay) theo biên L thu tiền số 0001920 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về chi phí giám định: Tổng chi phí giám định là 600.000 đồng, bà N yêu cầu nhưng không giám định được nên bà N phải chịu toàn bộ số tiền này, bà N đã nộp xong.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện K;
- T.H.A DS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Võ Kế Nghiệp**